

# Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp

Nguyễn Hoàng Trung

Khoa Kinh tế & QT&KD, Trường Đại học Đồng Tháp

**Tóm tắt:** Bài báo nghiên cứu về các yếu tố tác động tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp. Nghiên cứu thực hiện trên sự khảo sát 501 lao động ở nông thôn. Kết quả cho thấy có sự tác động tích cực của các yếu tố Giới tính, Tuổi, Số năm tới trường, Khoảng cách tới thị trấn, Số người phụ thuộc, Học nghề tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp.

**Từ khóa:** Lao động, Tiếp cận, Việc làm phi nông nghiệp, Đồng Tháp

## 1. Đặt vấn đề

Đồng Tháp, trong những năm qua, chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm so với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Số lao động hoạt động trong nông nghiệp năm 2013 tăng hơn so với 2012 là 1,5%, trong lĩnh vực công nghiệp tăng 1,9%. Giá trị tạo ra của lĩnh vực công nghiệp năm 2013 so với năm 2012 tăng 9,9%, dịch vụ tăng 15,2% trong khi nông nghiệp chỉ tăng 5% (Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, 2013).

Đặc điểm của người lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp với việc làm chính là công việc đồng áng ruộng vườn, chăn nuôi thêm heo, gà, vịt, cá, trồng trọt hoa màu. Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn vừa qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của lao động nông thôn đã từng bước phát triển, tỷ lệ lao động có hoạt động kinh doanh đa ngành nghề ngày một tăng. Năm 2010 thu nhập bình quân của một nhân khẩu một tháng toàn Tỉnh theo giá hiện hành là 1.143,17 ngàn đồng, năm 2012 là 1618,47 ngàn đồng và năm 2013 là 1730,81 ngàn đồng. Tuy nhiên, đối với hộ nông nghiệp thì thu nhập bình quân một nhân khẩu một tháng năm 2010 là 1052,05 ngàn đồng, năm 2012 là 1505,99 và năm 2013 là 1632,78 ngàn đồng, thấp hơn mức thu nhập bình quân một nhân khẩu một tháng của toàn Tỉnh (Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, 2013). Thực trạng đó cho thấy, nếu chỉ làm nông nghiệp là chủ yếu thì lao động nông thôn sẽ có thu nhập rất thấp, khó khăn trong cuộc sống, ảnh hưởng đến nhiều mặt của gia đình.

## 2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

Việc làm phi nông nghiệp theo định nghĩa của tổ chức ILO bao gồm những công việc không liên quan trực tiếp tới cây trồng và vật nuôi. Được phân loại

thành việc tự làm và việc làm được trả lương. Đối với việc làm được trả lương, thì chế độ cho người lao động tốt hơn như được tham gia bảo hiểm, và có tiền lương ổn định. Việc tự làm thì tiền lương phụ thuộc vào doanh thu tự kiếm được.

Khả năng tiếp cận là khả năng của một cá nhân để tham gia vào một hoạt động cụ thể, hoặc thiết lập các hoạt động (Odoki, Kerali and Santorini (2001). Tiếp cận việc làm là việc xem xét, xác định thông tin về cung — cầu lao động của xã hội từ đó người lao động có thể tìm cho mình một công việc phù hợp với nhu cầu năng lực, trình độ của bản thân. Người sử dụng lao động có thể tìm được nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu trong sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. (Nguyễn Xuân Hùng, 2010)

Khả năng tiếp cận việc làm được nhìn nhận theo một khía cạnh khác mang tính ví mô hơn là thể hiện ở xu hướng giảm tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm như trong nghiên cứu về tiếp cận việc làm của người nghèo của Nguyễn Đình Tuấn (2015). Trong nghiên cứu của Richa (2008) thì cho rằng khả năng tiếp cận việc làm là khả năng người lao động tìm được việc làm thường xuyên, ổn định và có thu nhập cao.

### 2.2 Phương pháp nghiên cứu

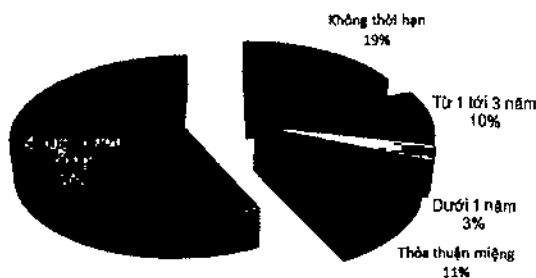
Số liệu sơ cấp của nghiên cứu được thu thập thông qua phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Đối tượng khảo sát gồm 501 lao động thuộc các Huyện của tỉnh Đồng Tháp. Để phân tích thực trạng lao động và việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp, nghiên cứu sử dụng chủ yếu phương pháp thống kê mô tả. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích mô hình kinh tế lượng, mô hình Tobit được sử dụng để phân tích các yếu tố tới khả năng tiếp cận việc làm của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1 Thực trạng tiếp cận việc làm của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp

Phần lớn lao động làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp không có hợp đồng hoặc thỏa thuận miệng, con số này chiếm 68%. Điều này cũng đồng nghĩa lao động phần lớn làm các công việc không chính thức. Từ việc không có hợp đồng, các quyền lợi cũng như mức độ ổn định về thời gian làm việc của lao động không được đảm bảo.

Hình 1: Tỷ trọng loại hợp đồng lao động



Số lao động được xác định là có hợp đồng không thời hạn thông thường làm trong khu vực nhà nước, con số này chiếm 19% trong tổng lao động được khảo sát. Số lao động có hợp đồng từ 1 tới 3 năm chiếm 10%, còn lại là có hợp đồng dưới 1 năm chiếm 3%.

Số lao động thiếu việc làm hay có số giờ làm trong tuần thấp hơn 35 giờ tập trung nhiều ở nhóm Mây tre đan. Điều đó chứng tỏ nghề này không có sự ổn định, lao động có thể làm theo mùa khi rảnh rỗi, hoặc do đầu ra không đảm bảo thường xuyên nên đơn đặt hàng hạn chế. Do đó, lao động không thể làm thường xuyên, ổn định đối với nhóm nghề này.

Các nghề về dịch vụ, làm mộc, thợ hồ, sửa chữa điện điện tử và dệt chiếu vải có số lao động thiếu giờ làm tương đương nhau. Thấp nhất là nhóm buôn bán nhỏ, nhóm này ở nông thôn thường mở ra từ sáng cho tới tối mặc dù khách hàng tới có thể vào những thời điểm nhất định.

Lao động nông thôn có thu nhập trung bình trong một tháng cao nhất là nhóm “nghề khác” bao gồm: làm nem, bánh tráng, trong đó lao động là công nhân và tự làm chủ. Nhóm “sửa chữa điện, điện tử” có thu nhập đứng thứ hai với gần 5 triệu đồng. Đứng thứ ba là “làm mộc” với thu nhập trung bình là 4.857.440 đ. Xếp thứ tư là nhóm “buôn bán nhỏ” và “dịch vụ”. Thu nhập thấp nhất thuộc về nhóm “mây tre đan” chỉ với 2.717.940đ.

Trong nhóm nghề khác thu nhập thấp nhất là 250.000đ và cao nhất là 20.000.000đ. Sự khác biệt lớn là do số lao động làm công nhân có thu nhập thấp, những người làm quản lý trong đó hay làm chủ có thu nhập cao hơn nhiều. Nghề làm nem rất nổi tiếng ở huyện Lai Vung, sản phẩm được rất nhiều khách hàng biết đến và mua, nên thu nhập mang lại cho lao động tương đối ổn định.

Bảng 1. Thu nhập phân theo việc làm

Nghề	Trung bình (1000đ)	Sai số chuẩn	Tần số
Mây tre đan	2717.94	4576.2939	78
Buôn bán nhỏ	4500	6967.9595	62
Dịch vụ	4460.29	4097.6564	68
Làm mộc	4857.44	3043.6495	47
Thợ hồ	3620.40	2322.8915	49
Sửa chữa điện, điện tử	4909.43	3477.4695	53
Dệt chiếu, vải	3287.80	1780.4768	41
May	3089.62	2076.7569	53
Nghề khác	5496	4899.7588	50
<b>Tổng</b>	<b>4058.98</b>	<b>4232.9906</b>	<b>501</b>

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2016

#### 3.2 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận việc làm của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp

Qua kết quả ước lượng từ mô hình trên cho thấy yếu tố tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn và số năm tới trường có tác động tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp. Yếu tố tuổi, giới tính và số năm tới trường tác động cùng chiều với thời gian làm việc phi nông nghiệp của người lao động. Trình độ chuyên môn có tác động ngược lại với thời gian làm việc.

Lao động nữ ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp có thời gian làm việc phi nông nghiệp cao hơn so với nam giới. Trong cơ cấu việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp có nhiều công việc mà lao động có thể làm từ sáng cho tới tối nhưng lại không đòi hỏi trình độ cao hay thể lực, Nhưng công việc đó như Đan chiếu, Lục Bình, May, Gia công hay buôn bán nhỏ. Từ thực tế này dẫn tới lao động nữ có thời gian làm việc nhiều hơn so với lao động nam. Nguyên nhân do đặc điểm việc làm phi nông nghiệp trong nghiên cứu của họ chủ yếu là làm sạch sản phẩm nông nghiệp, sản xuất có thu nhập thấp... Sự lựa chọn của lao động nữ cao hơn so với lao động nam đang bị chi phối với việc làm nông nghiệp với lương cao hơn.

Lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp có số năm đi học càng cao thì khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp tốt hơn. Do họ có trình độ và kỹ năng. Mặt khác cũng do nhu cầu của các cơ sở, doanh nghiệp đòi hỏi lao động phải có trình độ nhất định và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy lao động có trình độ sơ cấp nghề và trung cấp nghề sẽ có khả năng tiếp cận việc làm cao hơn. Trong nghiên cứu của tác giả chia thành sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề. Có sự khác nhau của cao đẳng nghề so với hai bậc còn lại. Nguyên nhân do nhóm học cao đẳng nghề có nhu cầu muốn gắn bó với những việc làm ổn định và có thu nhập cao. Trong khi ở vùng nông thôn những việc làm như vậy không nhiều, nên một số họ làm việc cầm chừng để tìm một việc khác ở thành thị hay tỉnh khác.

Trong các yếu tố thuộc về gia đình thì số người phụ thuộc, diện tích đất và số nhân khẩu có tác động tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

Lao động trong gia đình có nhiều người phụ thuộc.

**Bảng 2. Kết quả ước lượng**

Biến độc lập	Hệ số	Sai số chuẩn	Mức ý nghĩa
Giới tính	158.2391*	58.44227	0.007
Tuổi	10.00684*	3.113529	0.001
Số năm tới trường	184.1012*	9.943031	0.000
Tình trạng hôn nhân	-89.60317**	64.46041	0.165
Khoảng cách tới thị trấn	-8.959508**	4.161825	0.032
Diện tích đất	-.0330823*	.0053453	0.000
Số người phụ thuộc	117.7473*	29.4752	0.000
Vay vốn	-14.94496	59.88482	0.803
Sử dụng internet	35.05124	60.02818	0.560
Sơ cấp nghề	151.1814***	85.35607	0.077
Trung cấp nghề	250.2356*	94.29041	0.008
Cao đẳng nghề	-239.9019*	87.62836	0.006
Dự án việc làm	69.895	61.22152	0.254
Lao động trong hộ	-85.30783*	20.89533	0.000
Hằng số	266.6439	183.061	0.146

Số quan sát: 501

Giá trị log của hàm gần đúng: - 3945,07

Giá trị kiểm định chi bình phương 550,54

Hệ số xác định R<sup>2</sup> (%): 6,52

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\*: mức ý nghĩa tương ứng là 1%, 5%, 10%

Điều đó bắt buộc người lao động phải cố gắng hơn để hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu công việc. Họ phải cố gắng nâng cao về trình độ cũng như rèn luyện những kỹ năng cần thiết để tiếp cận tốt hơn những công việc ổn định mang lại thu nhập cao.

Lao động có sở hữu diện tích lớn cho thấy khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp thấp hơn so với lao động có ít đất. Nguyên nhân do khi họ có nhiều đất, có thể cho người khác thuê nên mang lại một khoản thu nhập phi lao động, từ đó lao động ngay từ đầu không có mục đích là phải tìm được công việc ổn định mang lại thu nhập cao. Điều đó ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của những lao động này.

Hệ số ước lượng của biến Số lao động trong gia đình mang dấu âm cho biết khi trong gia đình người lao động có số thành viên trong tuổi lao động cao thì khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp thấp hơn so với lao động mà trong gia đình có số thành viên trong độ tuổi lao động thấp. Điều này có thể hiểu khi lao động sống trong gia đình có nhiều người có thể tạo ra thu nhập thì họ không cố gắng đầu tư về học tập cũng như chuyên môn kỹ năng (tâm lý ý lại). Do đó, khả năng tiếp cận của những lao động này có phần hạn chế.

Việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn tập trung nhiều ở khu vực thị trấn và gần thị trấn. Do đó, những lao động ở gần những khu vực này, họ có điều kiện nắm bắt rõ thông tin về nhu cầu tuyển dụng cũng như các đặc điểm khác. Từ đó, họ thấy phù hợp với tính chất công việc và gắn bó lâu dài. Đây là nguyên nhân giải thích cho kết quả nghiên cứu trong bảng... về ước lượng biến “Khoảng cách tới thị trấn” mang dấu âm. Kết quả này trùng với phát hiện của Adersen sự (2009), Họ nghiên cứu về quyết định làm việc phi nông nghiệp của lao động ở vùng nông thôn Bolivia.

Các biến về tiếp cận vốn vay, internet hay dự án hỗ trợ việc làm đều không có tác động tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp. Lao động chủ yếu tìm việc làm qua

thông tin từ bạn bè và người thân, mặt khác hạn chế về trình độ nên dịch vụ internet không giúp được nhiều cho lao động trong việc tiếp cận việc làm.

Đa phần lao động phi nông nghiệp ở nông thôn tỉnh Đồng Tháp là làm thuê. Số tự làm chủ như buôn bán nhỏ được xây dựng từ nguồn vốn của gia đình. Số lao động vay tiền ngân hàng để kinh doanh không đáng kể, nguyên nhân xuất phát một phần từ người lao động, ngoài ra do tiếp cận vốn vay không dễ dàng. Nên trong kết quả nghiên cứu biến về vay vốn và dự án hỗ trợ việc làm không có tác động tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp.

#### 4. Kết luận

Việc làm phi nông nghiệp đóng vai trò quan trọng để tạo thu nhập, ổn định đời sống cho lao động nông thôn. Vì vậy, để có thể tìm được một việc làm phi nông nghiệp và gắn bó lâu dài là một vấn đề nan giải mà lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp đang gặp phải. Để tìm hiểu các rào cản khi lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp gặp phải trong tiếp cận việc làm phi nông nghiệp. Nghiên cứu đã thực hiện về vấn đề này, kết quả cho thấy có sự tác động tích cực của các yếu tố Giới tính, Tuổi, Số năm tới trường, Khoảng cách tới thị trấn, Số người phụ thuộc, Học nghề tới khả năng tiếp cận việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn tỉnh Đồng Tháp. Kết quả này là cơ sở góp phần giúp cho các nhà làm chính sách, hoàn thiện về các giải pháp hỗ trợ cho lao động nông thôn có thể tiếp cận tốt hơn đối với việc làm phi nông nghiệp. Các gói giải pháp có thể cần phát triển hơn là liên quan tới nâng cao trình độ chuyên nghiệp cũng như học nghề cho lao động nông thôn. Hỗ trợ hơn nữa cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên phạm vi các Huyện của tỉnh Đồng Tháp./.

#### Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Đồng Tháp (2014), Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2013, Nxb Thống kê, Hà Nội.

Odoki, J., Kerali, H. and Santorini, F. (2001). An integrated model for quantifying accessibility-benefits in developing countries. *Transportation Research Part A: Policy and Practice* 35 601—623.

Nguyễn Xuân Hùng (2010), Nâng cao khả năng tiếp cận việc làm cho thanh niên nông thôn huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đạ học Nông nghiệp Hà nội.

Trần Thị Minh Phương và Nguyễn Thị Minh Hiền (2014), Các yếu tố ảnh hưởng khả năng có việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn thành phố Hà Nội, Tạp chí Khoa học và Phát triển, số 02, tập 12, trang 829-835.